

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án Khu đô thị thành phố công nghệ xanh Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường Đại Mỗ)

HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BÀ NGUYỄN THỊ LIÊN MINH (ÔNG NGUYỄN THẾ ĐẠT LÀ ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN VÀ CÁC ÔNG (BÀ): NGUYỄN VĂN TRUNG, NGUYỄN VĂN LAM, NGUYỄN VĂN PHƯƠNG, NGUYỄN THỊ BÌNH, NGUYỄN THỊ HÀ LÀ NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ LIÊN QUAN)

I NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

- Địa chỉ thường trú: TDP số 1 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ giải phóng mặt bằng: Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- 1 **Tổng diện tích đất đang sử dụng:** 1.545,0 m2 Trong đó:
- Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất: 1.209,0 m2
- Diện tích đất phần trăm làm nhà (theo phương án giao đất nông nghiệp): 336,0 m2
- 2 **Diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi:** 574,0 m2 Trong đó:
- Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất: 574,0 m2
- 3 Căn cứ Biên bản số 294/BB-UBND ngày 29/5/2025 về việc điều tra, khảo sát ghi nhận hiện trạng ; Giấy xác nhận số 14/GXN-UBND ngày 13/8/2025 của UBND phường Đại Mỗ về nguồn gốc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, về nhân khẩu, hộ gia đình phục vụ công tác GPMB Dự án

II PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

| STT                       | Nội dung bồi thường, hỗ trợ   | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (đồng)  | Ghi chú  |
|---------------------------|---|-----|----------|----------------|-----------|--------------------|--|
| 1                         | <b>Bồi thường về đất:</b>   |     |          |                |           | <b>166.460.000</b> | <b>(1)</b>   |
| -                         | Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSDĐ  | m2  | 574,0    | 290.000        | 100%      | 166.460.000        | Căn cứ Thông báo số 47/TB-UBND ngày 30/7/2025 của UBND phường Đại Mỗ về việc tiếp tục áp dụng giá đất nông nghiệp cụ thể đã được phê duyệt làm cơ sở tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp |
| 2                         | <b>Các khoản hỗ trợ:</b>  |     |          |                |           | <b>1.722.000</b>   | <b>(2)</b>   |
| -                         | Thưởng tiến độ giải phóng mặt bằng (Theo Khoản 1, Điều 18, bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội: 3.000 đồng/m2 nhưng không quá 3.000.000 đồng/chủ sử dụng) | m2  | 574,0    | 3.000          | 100%      | 1.722.000          |  |
| 3                         | <b>Bồi thường về cây cối, hoa màu:</b>  |     |          |                |           | <b>1.029.000</b>   | <b>(3)</b>   |
| -                         | <b>Cây trồng trên thửa đất số 41 tờ bản đồ số 23</b>  |     |          |                |           |                    |  |
| +                         | Cây si: 20cm < ĐK thân < 30cm   | cây | 1        | 136.500        | 100%      | 136.500            |  |
| +                         | Cây si: ĐK thân > 70cm; cao > 4m  | cây | 1        | 525.000        | 100%      | 525.000            |  |
| +                         | Cây ôi: 10cm < ĐK thân < 20cm; 1,5 < cao < 2m   | cây | 2        | 147.000        | 100%      | 294.000            |  |
| +                         | Cây trướng cá: 10cm < ĐK thân < 15cm  | cây | 1        | 73.500         | 100%      | 73.500             |  |
| <b>Tổng cộng: (1+2+3)</b> |   |     |          |                |           | <b>169.211.000</b> |  |

(Bảng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm mười một nghìn, đồng./.)